

**DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU - CHI
NĂM HỌC 2022 - 2023**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Mã số	Số dự toán	Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do)
I	SỐ HỌC SINH	1	200	
	+ Nhà trẻ		25	
	+ Mẫu giáo		175	
II	DỰ TOÁN			
A	THU THEO THỎA THUẬN			
1	Tiền mua sắm thiết bị VDBT			Giữ nguyên
1.1	Mức thu đề nghị	2	400.000	1 năm học
1.2	Tổng mức thu dự kiến/ 1 năm (3=1x2)	3	80.000.000	1 năm học
1.3	Nội dung chi	4	80.000.000	1 năm học
	- Mua sắm vật tư, đồ dùng bán trú		74.400.000	
	- Khác + thuế 2%		1.600.000	
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất (bảo trì thang máy...)		4.000.000	
2	Tiền vệ sinh bán trú			Giữ nguyên
2.1	Mức thu đề nghị	5	50.000	1 tháng
2.2	Tổng mức thu dự kiến/1 tháng (6=1x5)	6	10.000.000	1 tháng
2.3	Nội dung chi	7	10.000.000	1 tháng
	- Mua sắm vật tư, đồ dùng vệ sinh		9.000.000	
	- Chi thanh toán tiền vệ sinh môi trường		550.000	
	- Thanh toán tiền diệt chuột, muỗi		250.000	
	- Khác + thuế 2%		200.000	
3	Tiền tổ chức phục vụ bán trú			Giữ nguyên
3.1	Mức thu đề nghị	8	500.000	1 tháng
3.2	Tổng mức thu dự kiến/1 tháng (9=1x8)	9	100.000.000	1 tháng
3.3	Nội dung chi	10	100.000.000	1 tháng
a	Chi thanh toán cá nhân		89.559.600	
	-Chi tiền lương cho hợp đồng (2 nhân viên)		11.559.600	
	-Chi tiền công GV trực tiếp giảng dạy (1,8tr x 19 người)		38.000.000	
	-Chi BGH- VP (1,8tr x 6 người)		12.000.000	
	-Chi nhân viên HĐ (1,8tr x 10 người)		20.000.000	
	-Tiền quản lý phí: (HT,KT,TQ,BT: 1% tổng thu)		1.000.000	
	-Khác+ kiêm nhiệm		7.000.000	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn		6.786.260	
	-Mua sắm vật tư, ĐDDH,		1.500.000	
	-Sách tham khảo		500.000	
	-Mua văn phòng phẩm, thay mực...		2.000.000	
	-Tổ chức các chuyên đề, Khai giảng, tổng kết		786.260	
	-Khác: thuế 2%, sửa chữa nhỏ....		2.000.000	
c	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		3.654.140	
	-Tiền điện, nước, điện thoại, internet		1.000.000	
	-Mua sơn, vật tư sửa điện, nước...		2.000.000	
	-Khác (sửa máy tính...)		654.140	
4	Tiền công phục vụ ăn sáng			Giữ nguyên
4.1	Mức thu đề nghị	11	250.000	1 tháng
4.2	Tổng mức thu dự kiến/1 tháng (12=180 hs x 11)	12	45.000.000	1 tháng
4.3	Nội dung chi	13	45.000.000	1 tháng
a	Chi thanh toán cá nhân		40.423.500	



STT	NỘI DUNG	Mã số	Số dự toán	Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do)
	-Chi tiền công GV trực tiếp giảng dạy (1,1tr x 19 người)		20.900.000	
	-Chi BGH, VP (1,1tr x 6 người)		6.600.000	
	-Chi nhân viên HĐ (1tr x 10 người)		11.000.000	
	-Chi hỗ trợ tiền công nấu ăn sáng (0,25tr x 3 người)		750.000	
	-Chi tiền trách nhiệm bếp trưởng		500.000	
	-Chi tiền phụ cấp chức vụ bếp trưởng		223.500	
	-Tiền quản lý phí: (HT,KT,TQ,BT: 1% tổng thu)		450.000	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn		2.745.900	
	-Mua sắm vật tư, đồ dùng		1.200.000	
	-Sách tham khảo		500.000	
	-Mua cây xanh		145.900	
	-Khác + thuế 2%		900.000	
c	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		1.830.600	
	-Tiền điện, nước		1.000.000	
	-Bảo trì thang máy, thang nâng		500.000	
	-Vật tư sửa điện, nước...		330.600	
5	Tiền học năng khiếu: (không bắt buộc)	14		
5.1	Vẽ		130.000/1 tháng	Trung tâm thu cuối tháng trích lại cho trường theo hợp đồng
5.2	Võ		130.000/1 tháng	
5.3	Nhịp điệu		130.000/1 tháng	
5.4	Kỹ năng sống		120.000/1 tháng	
5.5	Múa hiện đại		170.000/1 tháng	
5.6	Anh văn		320.000/1 tháng	
B	THU HỘ - CHI HỘ			
1	Tiền ăn	15	38.000đ/ 1 ngày	Giữ nguyên
2	Tiền ăn sáng	16	15.000đ/ 1 ngày	Giữ nguyên
3	Tiền nước uống	17	15.000đ/ 1 tháng	Giữ nguyên
4	Tiền học phẩm			Giữ nguyên
4.1	Mức thu đề nghị	18	350.000	1 năm
4.2	Tổng mức thu dự kiến/1 năm (19=1x18)	19	61.250.000	1 năm
4.3	Nội dung chi	20	61.250.000	1 năm
	-Mua sách, tập cho HS		28.000.000	
	-Mua dụng cụ học tập bút, màu, hồ...		15.000.000	
	-Mua đồ chơi		10.000.000	
	-Mua vật tư làm đồ dùng dạy học		5.000.000	
	-Khác: (tài liệu, đĩa CD TL, ép tập sách....)		3.250.000	
5	Tiền công trả cho nhân viên nuôi dưỡng			Giữ nguyên
a	Mức thu đề nghị	21	80.000	1 tháng
b	Tổng mức thu dự kiến/1 tháng (22=1x21)	22	16.000.000	1 tháng
c	Nội dung chi	23	17.199.000	1 tháng
	- 50% Mức lương tối thiểu vùng (5 nhân viên)		11.700.000	
	- 23,5 % BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (23,5%):		5.499.000	

Quận 1, ngày 4 tháng 10 năm 2022



Nguyễn Thị Phương Mai